

UBND HUYỆN MÊ LINH
HĐTD VIÊN CHỨC GIÁO DỤC

KẾT QUẢ THI TRẮC NGHIỆM VÒNG 1 KỲ TUYỂN DỤNG VCGD NĂM 2025
(Đính kèm Thông báo số: /TB-HĐTD ngày / /2025 của HĐTD viên chức giáo dục huyện Mê Linh)

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
1	7	ML213	Trương Hoài	An	29/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Tiền Phong B	45	Miễn thi	Đủ ĐK
2	12	ML374	Nguyễn Huy	An	01/03/2001	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	34	17	Đủ ĐK
3	2	ML68	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/08/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	36	17	Đủ ĐK
4	4	ML112	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	38	17	Đủ ĐK
5	4	ML128	Nguyễn Lê Tú	Anh	12/2/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh A	31	18	Đủ ĐK
6	5	ML157	Nguyễn Phương	Anh	12/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Mê Linh	39	18	Đủ ĐK
7	5	ML159	Bùi Quỳnh	Anh	09/7/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	36	17	Đủ ĐK
8	7	ML214	Bùi Thị Bảo	Anh	14/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	53	26	Đủ ĐK
9	7	ML215	Nguyễn Diệu	Anh	25/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Tiền Phong B	43	Miễn thi	Đủ ĐK
10	8	ML269	Hạ Phương	Anh	21/5/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	30	22	Đủ ĐK
11	10	ML326	Hà Tú	Anh	03/08/2001	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Phong	32	19	Đủ ĐK
12	10	ML339	Nguyễn Hải	Anh	06/12/2000	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	30	18	Đủ ĐK
13	15	ML466	Lê Thị Kim	Anh	23/12/1996	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Mê Linh	43	Miễn thi	Đủ ĐK
14	15	ML470	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/4/1999	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	42	Miễn thi	Đủ ĐK
15	15	ML471	Trần Thị Lan	Anh	02/1/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	37	Miễn thi	Đủ ĐK
16	1	ML05	Trần Thị Vân	Anh	23/3/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	40	14	Không đủ ĐK
17	1	ML06	Nguyễn Phương	Anh	22/01/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	29	10	Không đủ ĐK
18	1	ML29	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/09/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	26	9	Không đủ ĐK
19	2	ML43	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	36	10	Không đủ ĐK
20	2	ML44	Nguyễn Mai	Anh	21/10/2001	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	22	17	Không đủ ĐK
21	4	ML100	Nguyễn Thị Phương	Anh	16/12/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	17	5	Không đủ ĐK
22	10	ML327	Ngô Thị Ngọc	Anh	08/08/1999	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Phong	35	7	Không đủ ĐK
23	10	ML340	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/04/1991	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	30	11	Không đủ ĐK
24	5	ML166	Nguyễn Thị Thảo	Anh	13/12/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	40	11	Không đủ ĐK
25	7	ML216	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/8/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	35	9	Không đủ ĐK
26	8	ML261	Nguyễn Thị Mai	Anh	29/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	32	11	Không đủ ĐK
27	8	ML268	Đỗ Thị Phương	Anh	31/01/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	28	14	Không đủ ĐK
28	8	ML270	Nguyễn Thị Hồng	Anh	19/11/1991	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	41	8	Không đủ ĐK
29	2	ML69	Bùi Thị	Ánh	13/7/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	34	18	Đủ ĐK
30	11	ML360	Nguyễn Thị Kim	Ánh	17/2/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiên Phong	36	15	Đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
31	1	ML30	Nguyễn Minh	Ánh	25/11/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	29	8	Không đủ ĐK
32	1	ML18	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/06/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	37	18	Đủ ĐK
33	15	ML467	Đinh Thị Vân	Anh	10/01/1988	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Mê Linh	31	Miễn thi	Đủ ĐK
34	11	ML353	Đào Phương	Anh	27/03/2002	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	20	17	Không đủ ĐK
35	7	ML230	Trần Kiều	Anh	26/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	33	10	Không đủ ĐK
36	15	ML486	Nguyễn Thị	Bảy	19/01/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	42	Miễn thi	Đủ ĐK
37	3	ML86	Nguyễn Thị Thanh	Bình	04/01/1997	Nữ	GV Mầm non	Miễn thi	MN Tiến Thắng B	42	Miễn thi	Đủ ĐK
38	14	ML433	Nguyễn Thị Thanh	Bình	01/11/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	34	Miễn thi	Đủ ĐK
39	3	ML76	Nguyễn Thị Minh	Châu	27/02/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	39	6	Không đủ ĐK
40	10	ML322	Ngô Mai	Chi	29/12/2000	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	35	17	Đủ ĐK
41	10	ML328	Trần Thị Kim	Chi	08/10/1991	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	28	4	Không đủ ĐK
42	6	ML198	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/12/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	23	8	Không đủ ĐK
43	7	ML231	Trần Thị Quỳnh	Chi	20/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	31	13	Không đủ ĐK
44	6	ML177	Bùi Thị	Chiều	12/11/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	27	13	Không đủ ĐK
45	6	ML178	Phạm Thị Tuyết	Chinh	20/10/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
46	2	ML70	Nguyễn Thị	Chuyên	08/3/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	38	17	Đủ ĐK
47	10	ML341	Nguyễn Thị Tâm	Đan	04/9/1995	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	30	14	Không đủ ĐK
48	10	ML342	Phạm Thị Thuý	Đạt	30/1/1993	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	30	7	Không đủ ĐK
49	4	ML113	Phan Nhật	Diễm	04/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	30	23	Đủ ĐK
50	1	ML07	Nguyễn Thị Hoài	Đức	11/2/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	29	11	Không đủ ĐK
51	4	ML106	Bùi Thị	Dung	12/02/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	33	16	Đủ ĐK
52	9	ML301	Trần Thị Kim	Dung	15/08/1988	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	34	18	Đủ ĐK
53	14	ML434	Trần Thị	Dung	13/12/1994	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	37	Miễn thi	Đủ ĐK
54	1	ML08	Nguyễn Thị Thuý	Dung	07/04/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	28	7	Không đủ ĐK
55	10	ML329	Nguyễn Thị	Dung	12/02/2001	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	31	13	Không đủ ĐK
56	14	ML435	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25/12/2001	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	26	Miễn thi	Không đủ ĐK
57	11	ML361	Nguyễn Quang	Dương	27/10/1992	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	42	18	Đủ ĐK
58	15	ML487	Nguyễn Quỳnh	Dương	23/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	35	Miễn thi	Đủ ĐK
59	1	ML19	Vương Thị Thùy	Dương	28/10/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	33	7	Không đủ ĐK
60	11	ML362	Nguyễn Thị Thuý	Dương	21/10/1999	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	30	10	Không đủ ĐK
61	5	ML149	Lê Hồng	Dương	28/08/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	30	7	Không đủ ĐK
62	1	ML20	Nguyễn Thị Minh	Dưỡng	09/3/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	21	8	Không đủ ĐK
63	12	ML402	Phạm Thùy	Dương	01/04/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	34	17	Đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
64	2	ML62	Trần Thị	Duyên	25/02/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	35	19	Đủ ĐK
65	9	ML296	Nguyễn Thị	Duyên	23/01/1991	Nữ	Âm nhạc TH	Tiếng Anh	TH Hoàng Kim	23	7	Không đủ ĐK
66	10	ML314	Phạm Thị Bích	Duyên	11/9/1995	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	30	10	Không đủ ĐK
67	2	ML63	Trần Thị	Duyên	05/12/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	29	13	Không đủ ĐK
68	2	ML71	Trương Thị	Duyên	04/09/1984	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	23	8	Không đủ ĐK
69	12	ML386	Trần Thị Mỹ	Duyên	01/11/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	28	12	Không đủ ĐK
70	4	ML131	Nguyễn Thị	Duyên	02/9/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	24	9	Không đủ ĐK
71	5	ML167	Phạm Hương	Giang	30/04/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	35	18	Đủ ĐK
72	7	ML218	Nguyễn Hương	Giang	14/2/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	30	17	Đủ ĐK
73	1	ML31	Nguyễn Thị Hương	Giang	12/10/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	31	14	Không đủ ĐK
74	9	ML289	Nguyễn Thị	Giang	04/8/1997	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	23	7	Không đủ ĐK
75	4	ML132	Đỗ Thị Thu	Giang	23/4/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	29	7	Không đủ ĐK
76	7	ML217	Khổng Lam	Giang	05/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	36	14	Không đủ ĐK
77	8	ML244	Ngô Ngân	Giang	28/07/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	34	14	Không đủ ĐK
78	3	ML88	Lê Thị Thu	Hà	20/09/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	32	18	Đủ ĐK
79	8	ML252	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/09/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	30	16	Đủ ĐK
80	12	ML375	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/8/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	35	18	Đủ ĐK
81	12	ML376	Đỗ Thị Thu	Hà	14/04/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	40	21	Đủ ĐK
82	12	ML377	Phạm Mỹ	Hà	13/3/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	36	22	Đủ ĐK
83	12	ML387	Phạm Thị Thúy	Hà	07/11/1985	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	36	20	Đủ ĐK
84	13	ML417	Nguyễn Thu	Hà	10/07/1989	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	48	18	Đủ ĐK
85	14	ML436	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/04/1984	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	35	Miễn thi	Đủ ĐK
86	14	ML446	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	15/5/1998	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	42	Miễn thi	Đủ ĐK
87	15	ML472	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/1/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	31	Miễn thi	Đủ ĐK
88	15	ML473	Đỗ Thị Thanh	Hà	27/5/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	31	Miễn thi	Đủ ĐK
89	1	ML32	Vương Thị	Hà	25/9/1992	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	29	11	Không đủ ĐK
90	2	ML45	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/8/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	27	9	Không đủ ĐK
91	2	ML46	Nguyễn Thị	Hà	23/10/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	23	6	Không đủ ĐK
92	2	ML64	Phạm Thị	Hà	17/9/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	23	9	Không đủ ĐK
93	2	ML72	Trần Thị	Hà	22/9/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	37	13	Không đủ ĐK
94	3	ML87	Lưu Thị	Hà	17/06/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	28	8	Không đủ ĐK
95	10	ML343	Nguyễn Hồng	Hà	24/3/2003	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	28	14	Không đủ ĐK
96	10	ML308	Trần Thị	Hà	30/3/1986	Nữ	Tin học THCS	Tiếng Anh	THCS Kim Hoa	34	13	Không đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
97	11	ML363	Lê Thúy	Hà	11/8/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	25	14	Không đủ ĐK
98	12	ML403	Nguyễn Thị Thanh	Hà	14/3/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	32	10	Không đủ ĐK
99	12	ML404	Phạm Thị	Hà	18/3/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	34	13	Không đủ ĐK
100	4	ML114	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/7/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	34	13	Không đủ ĐK
101	5	ML153	Lê Thị Thu	Hà	19/6/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	30	7	Không đủ ĐK
102	6	ML179	Nguyễn Thị Thanh	Hà	20/01/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	27	18	Không đủ ĐK
103	10	ML344	Nguyễn Thị	Hà	08/5/1992	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	32	11	Không đủ ĐK
104	5	ML150	Nguyễn Thị Thanh	Hải	22/11/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	37	18	Đủ ĐK
105	4	ML115	Đỗ Thị Thu	Hải	05/3/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	31	11	Không đủ ĐK
106	2	ML39	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	05/6/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	35	19	Đủ ĐK
107	4	ML129	Chu Thị Thanh	Hằng	02/01/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh A	34	22	Đủ ĐK
108	4	ML133	Nguyễn Thúy	Hằng	22/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	40	15	Đủ ĐK
109	6	ML181	Phùng Thị	Hằng	27/09/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	34	18	Đủ ĐK
110	8	ML253	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	22/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	37	17	Đủ ĐK
111	9	ML291	Nguyễn Thị	Hằng	06/12/1993	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	36	16	Đủ ĐK
112	11	ML364	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	23/12/1996	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	38	15	Đủ ĐK
113	13	ML418	Đỗ Thị Bích	Hằng	01/09/1987	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	39	20	Đủ ĐK
114	14	ML427	Nguyễn Thu	Hằng	09/12/1994	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	41	Miễn thi	Đủ ĐK
115	15	ML488	Phùng Thị	Hằng	22/11/1987	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	49	Miễn thi	Đủ ĐK
116	2	ML38	Hà Thị	Hằng	10/8/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	31	9	Không đủ ĐK
117	2	ML47	Lưu Thị Thuý	Hằng	26/6/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	22	5	Không đủ ĐK
118	2	ML48	Nguyễn Thị	Hằng	09/9/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	36	9	Không đủ ĐK
119	2	ML65	Hà Thị Kim	Hằng	07/9/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	32	10	Không đủ ĐK
120	3	ML80	Đỗ Thị	Hằng	06/01/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	23	7	Không đủ ĐK
121	3	ML89	Lê Thị	Hằng	22/01/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	21	14	Không đủ ĐK
122	9	ML290	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	23/09/1997	Nữ	Mỹ Thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	31	13	Không đủ ĐK
123	10	ML330	Phan Thị	Hằng	27/7/1987	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	37	6	Không đủ ĐK
124	13	ML419	Nguyễn Thị	Hằng	15/9/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	28	12	Không đủ ĐK
125	4	ML116	Đỗ Thuý	Hằng	25/12/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	27	8	Không đủ ĐK
126	5	ML160	Trần Tô Ánh	Hằng	19/7/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	23	15	Không đủ ĐK
127	6	ML180	Dương Thị Thanh	Hằng	06/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	33	11	Không đủ ĐK
128	3	ML77	Hoàng Thị	Hạnh	01/3/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	35	18	Đủ ĐK
129	4	ML130	Quách Mỹ	Hạnh	30/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh A	37	23	Đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
130	5	ML168	Hoàng Hồng	Hạnh	28/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	Miễn Thi	TH Quang Minh B	38	Miễn thi	Đủ ĐK
131	7	ML199	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/8/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	35	18	Đủ ĐK
132	12	ML378	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	06/9/2000	Nữ	Toán học	Miễn Thi	THCS Tiến Thắng	38	Miễn thi	Đủ ĐK
133	2	ML49	Trần Thị	Hạnh	22/12/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	32	11	Không đủ ĐK
134	3	ML81	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	28/9/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	23	10	Không đủ ĐK
135	9	ML302	Đào Hồng	Hạnh	01/6/2002	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	24	12	Không đủ ĐK
136	11	ML354	Lê Thị	Hạnh	29/5/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	38	13	Không đủ ĐK
137	4	ML117	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	28/12/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
138	9	ML271	Đỗ Thị	Hạnh	14/04/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	36	13	Không đủ ĐK
139	3	ML78	Nguyễn Thị	Hạnh	01/09/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	28	10	Không đủ ĐK
140	3	ML90	Bùi Thị	Hạnh	07/07/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	39	7	Không đủ ĐK
141	14	ML461	Hà Thị Thu	Hào	08/11/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	36	Miễn thi	Đủ ĐK
142	2	ML50	Bùi Thị Thanh	Hào	18/8/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	26	9	Không đủ ĐK
143	11	ML355	Tạ Bích	Hậu	31/12/1992	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	34	19	Đủ ĐK
144	5	ML169	Nguyễn Thị	Hậu	05/03/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
145	5	ML161	Nguyễn Thị	Hiền	03/12/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	38	15	Đủ ĐK
146	4	ML101	Lê Thị Thu	Hiền	07/8/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	26	7	Không đủ ĐK
147	4	ML107	Nguyễn Thị	Hiền	28/5/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	27	10	Không đủ ĐK
148	10	ML323	Vũ Thị	Hiền	18/01/1995	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	18	Vắng	Không đủ ĐK
149	11	ML345	Nguyễn Thị	Hiền	16/9/1990	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	38	12	Không đủ ĐK
150	15	ML492	Nguyễn Thu	Hiền	11/07/1991	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	Vắng	Miễn thi	Không đủ ĐK
151	12	ML388	Đặng Thu	Hiền	04/8/1996	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	28	Vắng	Không đủ ĐK
152	4	ML134	Ninh Thị	Hiền	23/11/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
153	4	ML135	Nguyễn Thu	Hiền	10/12/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	39	5	Không đủ ĐK
154	7	ML200	Lê Thị	Hiền	06/1/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
155	4	ML126	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	24/12/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chu Phan	35	17	Đủ ĐK
156	14	ML447	Nguyễn Thị Thuý	Hoa	18/06/1997	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	31	Miễn thi	Đủ ĐK
157	15	ML489	Nguyễn Quỳnh	Hoa	21/11/1987	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	43	Miễn thi	Đủ ĐK
158	10	ML311	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	15/6/2002	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Thanh Lâm A	33	8	Không đủ ĐK
159	14	ML462	Lê Thị	Hoa	23/01/1984	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	28	Miễn thi	Không đủ ĐK
160	15	ML474	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	04/11/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	28	Miễn thi	Không đủ ĐK
161	13	ML420	Ngô Thị	Hoa	18/6/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	41	11	Không đủ ĐK
162	7	ML219	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	12/8/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	41	11	Không đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
163	3	ML82	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	14/01/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	35	19	Đủ ĐK
164	12	ML389	Nguyễn Thị	Hoa	08/04/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	38	18	Đủ ĐK
165	8	ML245	Nguyễn Thị	Hoài	02/11/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	38	18	Đủ ĐK
166	1	ML09	Phùng Thị	Hoài	07/01/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	24	13	Không đủ ĐK
167	8	ML254	Nguyễn Thị Thu	Hoài	29/01/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	34	9	Không đủ ĐK
168	14	ML437	Khổng Thị Thanh	Hoan	29/10/1987	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	37	Miễn thi	Đủ ĐK
169	5	ML151	Bùi Thị	Hoan	13/7/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	28	10	Không đủ ĐK
170	2	ML40	Nguyễn Thị	Hoàn	07/08/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	32	6	Không đủ ĐK
171	10	ML331	Lê Thị Thanh	Hoàn	18/7/1994	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	40	11	Không đủ ĐK
172	2	ML73	Cao Thị	Hoàng	18/5/1988	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	20	10	Không đủ ĐK
173	4	ML136	Nguyễn Thị	Hoạt	01/10/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	22	8	Không đủ ĐK
174	12	ML390	Nguyễn Thị	Hồng	21/05/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	43	18	Đủ ĐK
175	14	ML451	Nguyễn Thị	Hồng	08/4/1991	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Tự Lập A	35	Miễn thi	Đủ ĐK
176	7	ML201	Đàm Thị	Huế	28/10/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	35	17	Đủ ĐK
177	14	ML428	Nguyễn Thị	Huế	04/6/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	37	Miễn thi	Đủ ĐK
178	2	ML51	Tạ Thị	Huệ	17/11/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	35	17	Đủ ĐK
179	15	ML475	Nguyễn Thị Kim	Huệ	20/12/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	42	Miễn thi	Đủ ĐK
180	9	ML297	Nguyễn Thị	Huệ	26/9/1992	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	30	11	Không đủ ĐK
181	1	ML33	Nguyễn Thị	Huệ	26/11/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	12	8	Không đủ ĐK
182	11	ML365	Nguyễn Thị	Huệ	08/05/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	33	9	Không đủ ĐK
183	7	ML232	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	10/03/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	36	7	Không đủ ĐK
184	8	ML249	Đào Thế	Hùng	17/06/1996	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt B	35	18	Đủ ĐK
185	1	ML10	Lê Thị	Hương	15/12/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	38	22	Đủ ĐK
186	4	ML102	Đoàn Thị Thu	Hương	18/11/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	35	17	Đủ ĐK
187	12	ML405	Đàm Mai	Hương	10/12/1998	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	44	18	Đủ ĐK
188	15	ML469	Lê Hoàng Mai	Hương	28/01/1993	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Phạm Hồng Thái	35	Miễn thi	Đủ ĐK
189	15	ML477	Tạ Thị Thanh	Hương	08/7/1995	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	31	Miễn thi	Đủ ĐK
190	1	ML34	Lê Hải	Hương	28/02/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	24	11	Không đủ ĐK
191	2	ML41	Nguyễn Thu	Hương	09/5/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	35	6	Không đủ ĐK
192	2	ML52	Nguyễn Thu	Hương	15/7/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	30	7	Không đủ ĐK
193	15	ML476	Phạm Mai	Hương	04/7/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	27	Miễn thi	Không đủ ĐK
194	11	ML356	Đỗ Thanh	Hương	03/04/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	34	12	Không đủ ĐK
195	12	ML406	Nguyễn Thị Lan	Hương	08/11/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	26	16	Không đủ ĐK
196	4	ML118	Nguyễn Thị Thu	Hương	24/8/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	18	11	Không đủ ĐK
197	5	ML170	Nghiêm Lan	Hương	27/11/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	30	10	Không đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
198	6	ML190	Nguyễn Lan	Hương	10/08/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	31	11	Không đủ ĐK
199	9	ML272	Tạ Thị	Hường	02/1/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	35	17	Đủ ĐK
200	9	ML292	Hoàng Thị	Hường	29/4/2002	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	35	15	Đủ ĐK
201	14	ML441	Nguyễn Thị	Hường	22/09/1990	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	43	Miễn thi	Đủ ĐK
202	3	ML91	Phạm Thị Thu	Hường	05/4/2001	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	24	5	Không đủ ĐK
203	10	ML324	Nguyễn Thị	Hường	05/08/1990	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	27	Vắng	Không đủ ĐK
204	5	ML154	Trần Thị Thu	Hường	20/01/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	29	10	Không đủ ĐK
205	7	ML233	Lê Thị Thu	Hường	04/3/1991	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	30	11	Không đủ ĐK
206	7	ML234	Tạ Thị Thu	Hường	16/6/1987	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	29	8	Không đủ ĐK
207	1	ML11	Nguyễn Thị	Huyền	11/8/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	33	17	Đủ ĐK
208	5	ML137	Nguyễn Thị Như	Huyền	08/06/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	38	19	Đủ ĐK
209	5	ML155	Phạm Thị Phương	Huyền	30/08/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	40	17	Đủ ĐK
210	5	ML171	Ngô Thị Thanh	Huyền	16/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	31	23	Đủ ĐK
211	9	ML273	Đại Thị	Huyền	19/02/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	43	25	Đủ ĐK
212	12	ML379	Nguyễn Thị Vân	Huyền	10/3/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	37	19	Đủ ĐK
213	15	ML493	Phạm Thị	Huyền	03/10/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	42	Miễn thi	Đủ ĐK
214	2	ML53	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/01/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	29	9	Không đủ ĐK
215	3	ML92	Trần Thị	Huyền	19/9/1992	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	34	8	Không đủ ĐK
216	4	ML108	Nguyễn Thị	Huyền	03/11/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	29	10	Không đủ ĐK
217	10	ML332	Lê Thị	Huyền	12/2/1999	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	29	17	Không đủ ĐK
218	9	ML303	Tạ Thị	Huyền	25/02/1995	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	31	8	Không đủ ĐK
219	13	ML407	Trần Thu	Huyền	15/7/1999	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	40	14	Không đủ ĐK
220	6	ML191	Nguyễn Thị	Huyền	07/8/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	29	20	Không đủ ĐK
221	8	ML255	Nguyễn Lương Thu	Huyền	03/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	27	10	Không đủ ĐK
222	3	ML83	Bùi Thị	Khanh	17/7/1989	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	28	11	Không đủ ĐK
223	8	ML235	Đỗ Hồng Lâm	Khánh	12/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
224	10	ML310	Trần Đức	Khóa	14/12/1997	Nam	GDCD	Tiếng Anh	THCS Chu Phan	41	12	Không đủ ĐK
225	12	ML380	Trần Thị Hồng	Khôi	20/7/1990	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	34	15	Đủ ĐK
226	8	ML256	Nguyễn Vũ	Kỳ	20/04/1997	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	37	18	Đủ ĐK
227	14	ML429	Nguyễn Thị Hương	Lam	05/09/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	38	Miễn thi	Đủ ĐK
228	1	ML25	Nguyễn Quốc Thị	Lâm	15/2/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	24	4	Không đủ ĐK
229	6	ML183	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/5/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	37	19	Đủ ĐK
230	6	ML192	Nguyễn Thị	Lan	26/10/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	35	19	Đủ ĐK
231	3	ML79	Trần Thị Hương	Lan	04/10/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	25	10	Không đủ ĐK
232	10	ML333	Nguyễn Thu	Lan	27/7/2000	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	27	17	Không đủ ĐK
233	10	ML309	Đào Thuý	Lan	28/6/1994	Nữ	Tin học THCS	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	34	7	Không đủ ĐK
234	13	ML408	Lê Thị	Lan	24/11/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	29	13	Không đủ ĐK
235	6	ML182	Lưu Thị Long	Lan	05/03/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	31	5	Không đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
236	9	ML274	Kim Thị Mai	Lan	19/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
237	10	ML317	Đặng Thu	Lệ	26/01/1996	Nữ	Ngữ Văn	Miễn thi	THCS Đại Thịnh	33	Miễn thi	Đủ ĐK
238	10	ML318	Lê Thị	Lệ	12/10/1992	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	40	13	Không đủ ĐK
239	1	ML21	Đỗ Thị	Liên	28/07/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	35	18	Đủ ĐK
240	8	ML250	Hoàng Thị Mai	Liên	16/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt B	37	17	Đủ ĐK
241	13	ML409	Đào Thị	Liên	01/7/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	34	17	Đủ ĐK
242	14	ML452	Nguyễn Thị	Liên	28/07/1990	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Tự Lập A	43	Miễn thi	Đủ ĐK
243	8	ML236	Nguyễn Kim	Liên	02/11/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	30	11	Không đủ ĐK
244	5	ML138	Đỗ Khánh	Linh	26/4/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	42	17	Đủ ĐK
245	5	ML172	Phạm Khánh	Linh	29/11/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	34	18	Đủ ĐK
246	6	ML188	Nguyễn Đức	Linh	11/06/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thạch Đà B	32	17	Đủ ĐK
247	8	ML240	Nguyễn Thị	Linh	05/12/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng B	31	15	Đủ ĐK
248	9	ML275	Tạ Thị Mỹ	Linh	26/4/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	37	18	Đủ ĐK
249	12	ML391	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	16/11/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	37	18	Đủ ĐK
250	13	ML410	Nguyễn Thị Thuý	Linh	29/7/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	38	22	Đủ ĐK
251	14	ML454	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/01/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	32	Miễn thi	Đủ ĐK
252	15	ML478	Nguyễn Nhật	Linh	30/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	39	Miễn thi	Đủ ĐK
253	15	ML479	Lại Khánh	Linh	25/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	45	Miễn thi	Đủ ĐK
254	15	ML480	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	14/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	42	Miễn thi	Đủ ĐK
255	9	ML299	Phan Khánh	Linh	14/9/1998	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	24	Vắng	Không đủ ĐK
256	10	ML315	Nguyễn Hương	Linh	09/07/2002	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	28	9	Không đủ ĐK
257	1	ML22	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/7/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	40	9	Không đủ ĐK
258	11	ML366	Nguyễn Thị Phương	Linh	03/4/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
259	11	ML367	Nguyễn Thị Diệu	Linh	12/07/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
260	5	ML162	Trịnh Khánh	Linh	04/10/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	33	14	Không đủ ĐK
261	7	ML202	Quách Thị Khánh	Linh	16/01/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	27	12	Không đủ ĐK
262	7	ML220	Nguyễn Thuý	Linh	23/11/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	31	13	Không đủ ĐK
263	7	ML221	Phạm Diệu	Linh	09/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	28	21	Không đủ ĐK
264	8	ML246	Đinh Thị Thuý	Linh	20/11/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	26	8	Không đủ ĐK
265	8	ML251	Nguyễn Thùy	Linh	14/08/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt B	37	13	Không đủ ĐK
266	9	ML276	Lưu Thùy	Linh	13/8/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	28	8	Không đủ ĐK
267	9	ML277	Lương Thị Ngọc	Linh	24/12/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	38	14	Không đủ ĐK
268	12	ML392	Trần Diệu	Linh	08/12/2003	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	35	26	Đủ ĐK
269	14	ML453	Hoàng Phương	Loan	17/8/2001	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Tự Lập A	26	Miễn thi	Không đủ ĐK
270	5	ML152	Nguyễn Thị Bích	Loan	10/04/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	32	12	Không đủ ĐK
271	10	ML321	Hà Thị	Loan	04/01/1993	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	29	8	Không đủ ĐK
272	12	ML381	Thái Nhật	Long	13/06/2002	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
273	12	ML393	Nguyễn Thành	Luân	01/11/2003	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	37	25	Đủ ĐK
274	14	ML455	Trần Thị	Luân	10/07/1988	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	35	Miễn thi	Đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
275	15	ML494	Nguyễn Quỳnh	Lưu	25/05/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	43	Miễn thi	Đủ ĐK
276	5	ML173	Nguyễn Thị	Lưu	24/11/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	27	5	Không đủ ĐK
277	3	ML93	Trần Thị	Lưu	01/06/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	20	8	Không đủ ĐK
278	6	ML184	Nguyễn Thị	Luyến	25/09/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	26	7	Không đủ ĐK
279	11	ML346	Vũ Thị	Lý	15/6/1988	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	36	19	Đủ ĐK
280	13	ML411	Lỗ Thị	Lý	18/01/1992	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	36	12	Không đủ ĐK
281	13	ML421	Nguyễn Thị Thu	Mai	25/12/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	37	23	Đủ ĐK
282	14	ML442	Nguyễn Thị	Mai	02/4/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	38	Miễn thi	Đủ ĐK
283	14	ML456	Nguyễn Thị Thanh	Mai	27/10/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	39	Miễn thi	Đủ ĐK
284	4	ML119	Nguyễn Thanh	Mai	07/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	22	6	Không đủ ĐK
285	5	ML139	Nguyễn Thị	Mai	18/07/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	38	14	Không đủ ĐK
286	6	ML193	Hồ Thị	Mai	19/3/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Trung	TH Thanh Lâm B	28	13	Không đủ ĐK
287	7	ML203	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/10/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
288	7	ML212	Nguyễn Phương	Mai	18/05/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	34	19	Đủ ĐK
289	2	ML54	Trần Thị	Mận	14/4/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	22	7	Không đủ ĐK
290	8	ML262	Lê Đức	Mạnh	01/7/1992	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	48	18	Đủ ĐK
291	15	ML468	Nguyễn Tiến	Mạnh	07/1/2002	Nam	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Mê Linh	34	Miễn thi	Đủ ĐK
292	13	ML412	Doãn Thị	Minh	10/06/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	41	9	Không đủ ĐK
293	15	ML495	Nguyễn Thị	Mơ	01/09/1985	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	39	Miễn thi	Đủ ĐK
294	5	ML140	Phạm Thị	Mơ	17/09/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	30	6	Không đủ ĐK
295	9	ML278	Nguyễn Ngọc Huyền	My	10/6/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	38	17	Đủ ĐK
296	2	ML74	Nguyễn Thị Trà	My	01/05/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	22	12	Không đủ ĐK
297	4	ML120	Hà Kiều	My	15/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	32	8	Không đủ ĐK
298	10	ML319	Phan Thị	Nam	21/12/1991	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	39	14	Không đủ ĐK
299	3	ML75	Nguyễn Thị	Năm	10/01/1990	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	22	6	Không đủ ĐK
300	13	ML423	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	25/01/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	33	16	Đủ ĐK
301	14	ML459	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	25/04/1999	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Đại Thịnh	37	Miễn thi	Đủ ĐK
302	15	ML496	Nguyễn Thị	Nga	17/6/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	40	Miễn thi	Đủ ĐK
303	13	ML422	Nguyễn Thanh	Nga	20/08/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	40	14	Không đủ ĐK
304	6	ML189	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	16/11/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thạch Đà B	40	15	Đủ ĐK
305	7	ML222	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/02/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	35	17	Đủ ĐK
306	11	ML357	Phạm Thị	Ngân	26/04/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	33	14	Không đủ ĐK
307	5	ML141	Phạm Hoàng Diệu	Ngân	04/11/2000	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Đại Thịnh B	24	Miễn thi	Không đủ ĐK
308	4	ML127	Dương Thị Thúy	Ngân	25/07/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chu Phan	34	13	Không đủ ĐK
309	11	ML368	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	19/10/1997	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	38	20	Đủ ĐK
310	14	ML448	Phùng Thị Bích	Ngọc	07/01/1996	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	33	Miễn thi	Đủ ĐK
311	9	ML300	Lê Thị	Ngọc	02/5/2002	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	33	12	Không đủ ĐK
312	10	ML334	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	17/9/1997	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	32	7	Không đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
313	5	ML142	Lê Thị	Ngọc	30/03/1990	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	41	14	Không đủ ĐK
314	6	ML194	Nguyễn Bích	Ngọc	03/05/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	30	7	Không đủ ĐK
315	8	ML237	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	11/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	40	11	Không đủ ĐK
316	8	ML241	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	29/05/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng B	20	5	Không đủ ĐK
317	8	ML247	Đỗ Thị Hoài	Ngọc	31/7/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
318	8	ML263	Nguyễn Thị	Ngọc	10/11/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	18	7	Không đủ ĐK
319	7	ML223	Đồng Thị	Ngọc	13/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	26	18	Không đủ ĐK
320	10	ML335	Phạm Thị Phương	Nguyên	03/12/1986	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	36	17	Đủ ĐK
321	11	ML369	Nguyễn Hồng	Nguyệt	26/4/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	36	15	Đủ ĐK
322	14	ML460	Nguyễn Thị Hương	Nguyệt	15/10/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Đại Thịnh	40	Miễn thi	Đủ ĐK
323	1	ML12	Phùng Thị Minh	Nguyệt	08/12/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	29	8	Không đủ ĐK
324	2	ML55	Nguyễn Minh	Nguyệt	21/5/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	29	9	Không đủ ĐK
325	3	ML94	Đỗ Minh	Nguyệt	15/2/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	34	7	Không đủ ĐK
326	12	ML394	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/5/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	28	16	Không đủ ĐK
327	13	ML413	Nguyễn Thị	Nguyệt	04/04/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	35	10	Không đủ ĐK
328	4	ML103	Đỗ Thị Hương	Nhài	25/01/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	23	3	Không đủ ĐK
329	15	ML497	Trịnh Thị	Nhân	14/11/1995	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	43	Miễn thi	Đủ ĐK
330	15	ML481	Nguyễn Thế	Nhật	30/09/1990	Nam	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	31	Miễn thi	Đủ ĐK
331	9	ML279	Nguyễn Thị	Nhi	12/6/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	41	25	Đủ ĐK
332	5	ML143	Đinh Hồng	Nhung	03/03/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	42	18	Đủ ĐK
333	7	ML224	Lê Hồng	Nhung	12/10/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	37	18	Đủ ĐK
334	9	ML280	Kim Thị Hồng	Nhung	28/5/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	37	17	Đủ ĐK
335	12	ML395	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18/11/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	32	19	Đủ ĐK
336	14	ML430	Bùi Thị Hồng	Nhung	03/12/2001	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	47	Miễn thi	Đủ ĐK
337	14	ML443	Trần Thị Hồng	Nhung	31/3/1996	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	37	Miễn thi	Đủ ĐK
338	14	ML457	Nguyễn Thị	Nhung	18/8/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	35	Miễn thi	Đủ ĐK
339	15	ML490	Phan Thị	Nhung	01/03/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	30	Miễn thi	Đủ ĐK
340	10	ML312	Nguyễn Thị	Nhung	06/10/1996	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Thanh Lâm A	37	10	Không đủ ĐK
341	2	ML56	Đỗ Thị	Nhung	01/04/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	33	7	Không đủ ĐK
342	6	ML174	Trương Thị	Nhung	16/9/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	30	13	Không đủ ĐK
343	8	ML264	Nguyễn Thị	Nhung	11/7/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	27	19	Không đủ ĐK
344	5	ML158	Dương Linh	Nhung	12/02/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Mê Linh	44	18	Đủ ĐK
345	3	ML84	Nguyễn Thị	Oanh	18/6/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	39	15	Đủ ĐK
346	9	ML281	Dương Thị	Oanh	29/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	39	20	Đủ ĐK
347	3	ML95	Trần Nguyễn Kim	Oanh	30/10/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	32	7	Không đủ ĐK
348	10	ML325	Đặng Thị Kiều	Oanh	14/3/1996	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	36	12	Không đủ ĐK
349	12	ML382	Phùng Thị	Oanh	22/10/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	31	10	Không đủ ĐK
350	6	ML175	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/5/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	26	12	Không đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
351	7	ML225	Trương Hoàng Ngọc	Oanh	10/11/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	41	14	Không đủ ĐK
352	3	ML85	Nguyễn Thị	Phong	02/02/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	28	7	Không đủ ĐK
353	12	ML370	Hoa Quốc	Phong	05/11/2002	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
354	10	ML320	Nguyễn Thị Minh	Phú	10/2/1992	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	32	13	Không đủ ĐK
355	11	ML347	Nguyễn Hồng	Phúc	12/4/1994	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	40	17	Đủ ĐK
356	15	ML465	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	05/06/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	38	Miễn thi	Đủ ĐK
357	4	ML109	Tạ Thị Minh	Phương	02/9/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	37	18	Đủ ĐK
358	12	ML383	Nguyễn Thu	Phương	06/7/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	36	19	Đủ ĐK
359	12	ML384	Nguyễn Thu	Phương	28/8/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	30	16	Đủ ĐK
360	14	ML431	Tạ Lưu Bảo	Phương	25/12/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	36	Miễn thi	Đủ ĐK
361	2	ML57	Đỗ Thị	Phương	01/9/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	32	11	Không đủ ĐK
362	13	ML414	Bùi Thị	Phương	23/10/1990	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	25	13	Không đủ ĐK
363	7	ML226	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	21/9/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	28	7	Không đủ ĐK
364	8	ML257	Lê Mai	Phương	09/05/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	23	16	Không đủ ĐK
365	8	ML265	Nguyễn Minh	Phương	14/8/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	25	11	Không đủ ĐK
366	6	ML195	Đào Thị	Phượng	05/2/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	37	24	Đủ ĐK
367	13	ML415	Nguyễn Thị Bích	Phượng	06/11/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	43	25	Đủ ĐK
368	9	ML293	Nguyễn Thị	Phương	06/7/1993	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	33	4	Không đủ ĐK
369	10	ML336	Đỗ Thị	Quý	08/11/1993	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	25	6	Không đủ ĐK
370	15	ML482	Phạm Thị Lệ	Quyên	03/4/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	41	Miễn thi	Đủ ĐK
371	15	ML498	Nguyễn Thị	Quyên	18/7/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	45	Miễn thi	Đủ ĐK
372	10	ML337	Đỗ Xuân	Quỳnh	12/06/2001	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	35	17	Đủ ĐK
373	11	ML348	Phùng Thị	Quỳnh	24/12/1995	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	29	5	Không đủ ĐK
374	7	ML204	Văn Ngọc	Quỳnh	03/8/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	22	5	Không đủ ĐK
375	7	ML205	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/5/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	35	10	Không đủ ĐK
376	8	ML258	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	07/9/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	39	13	Không đủ ĐK
377	9	ML282	Phạm Thị	Sen	23/11/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
378	9	ML304	Nguyễn Văn	Son	16/7/1984	Nam	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	31	8	Không đủ ĐK
379	4	ML121	Lê Thị	Tâm	12/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	37	19	Đủ ĐK
380	4	ML110	Lê Thị	Tâm	04/01/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
381	7	ML206	Nguyễn Thị	Tâm	02/10/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	33	13	Không đủ ĐK
382	8	ML266	Nguyễn Thanh	Tâm	05/01/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	25	7	Không đủ ĐK
383	9	ML283	Nguyễn Hoàng Nhâm	Tâm	27/4/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	35	12	Không đủ ĐK
384	3	ML96	Lương Thị	Tám	13/8/1990	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	34	8	Không đủ ĐK
385	5	ML163	Nguyễn Thị Trang	Tân	07/11/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	31	7	Không đủ ĐK
386	5	ML164	Trương Thị	Thắm	07/6/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	41	17	Đủ ĐK
387	7	ML207	Nguyễn Thị	Thắm	24/04/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	33	18	Đủ ĐK
388	1	ML26	Lương Thị	Thắm	08/09/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	20	13	Không đủ ĐK
389	1	ML35	Nguyễn Thị	Thận	02/1/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	39	12	Không đủ ĐK
390	9	ML305	Đàm Anh	Thắng	04/07/1990	Nam	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập B	34	17	Đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
391	1	ML27	Đinh Thị	Thanh	05/07/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	37	17	Đủ ĐK
392	15	ML483	Dương Thị Kim	Thanh	02/2/1996	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	43	Miễn thi	Đủ ĐK
393	10	ML313	Trần Thị	Thanh	15/2/1989	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Thanh Lâm A	31	12	Không đủ ĐK
394	14	ML449	Kiều Thị Yến	Thanh	15/10/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	29	Miễn thi	Không đủ ĐK
395	15	ML499	Đinh Thị	Thành	09/01/1989	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	42	Miễn thi	Đủ ĐK
396	6	ML185	Nguyễn Thị	Thánh	03/7/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	35	18	Đủ ĐK
397	7	ML227	Nguyễn Thanh	Thảo	22/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	42	22	Đủ ĐK
398	8	ML267	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/09/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	35	18	Đủ ĐK
399	12	ML397	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/1997	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	34	20	Đủ ĐK
400	12	ML398	Đỗ Thị Phương	Thảo	08/03/1992	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	39	18	Đủ ĐK
401	2	ML58	Nguyễn Thị	Thảo	22/12/1989	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	23	7	Không đủ ĐK
402	9	ML294	Lưu Thị Phương	Thảo	29/12/2000	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	34	8	Không đủ ĐK
403	11	ML358	Nguyễn Thị	Thảo	28/8/1998	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	30	9	Không đủ ĐK
404	12	ML396	Trần Thị	Thảo	01/05/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	24	15	Không đủ ĐK
405	13	ML424	Đàm Thị	Thảo	11/09/1989	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	30	10	Không đủ ĐK
406	4	ML122	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/03/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	24	12	Không đủ ĐK
407	9	ML284	Nguyễn Thị Phương	Thảo	26/01/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	26	7	Không đủ ĐK
408	5	ML156	Lê Thị	Thị	10/5/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	42	16	Đủ ĐK
409	9	ML295	Dương Đức	Thiện	18/4/2002	Nam	Mỹ Thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	24	18	Không đủ ĐK
410	1	ML13	Nguyễn Thị	Thịnh	10/10/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	27	4	Không đủ ĐK
411	14	ML438	Phạm Thị	Thoa	27/7/1985	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	37	Miễn thi	Đủ ĐK
412	1	ML28	Nguyễn Thị	Thom	03/7/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	43	16	Đủ ĐK
413	11	ML349	Nguyễn Thị	Thom	14/01/1990	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	33	9	Không đủ ĐK
414	4	ML123	Bùi Thị	Thom	27/07/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	26	10	Không đủ ĐK
415	1	ML36	Nguyễn Thị	Thu	07/03/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	37	17	Đủ ĐK
416	2	ML42	Trần Thị	Thu	12/01/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	37	15	Đủ ĐK
417	4	ML104	Vương Hoài	Thu	18/6/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	33	8	Không đủ ĐK
418	12	ML399	Trần Thị	Thu	13/01/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	37	14	Không đủ ĐK
419	13	ML416	Trần Thị Bích	Thu	15/6/1990	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	42	11	Không đủ ĐK
420	5	ML144	Nguyễn Khánh	Thư	21/09/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	32	16	Đủ ĐK
421	12	ML371	Lê Thị	Thư	27/8/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	43	21	Đủ ĐK
422	6	ML187	Nguyễn Thị Huyền	Thu	04/05/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	30	5	Không đủ ĐK
423	1	ML37	Hoàng Thị	Thương	28/12/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN quang Minh A	27	10	Không đủ ĐK
424	4	ML124	Nguyễn Thị	Thương	01/10/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	20	5	Không đủ ĐK
425	14	ML463	Nguyễn Diệu	Thúy	27/10/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	38	Miễn thi	Đủ ĐK
426	1	ML23	Nguyễn Thị	Thúy	20/11/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	32	9	Không đủ ĐK
427	9	ML285	Nguyễn Thị	Thúy	20/06/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	37	10	Không đủ ĐK
428	1	ML14	Trần Thị	Thủy	06/2/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	39	19	Đủ ĐK
429	11	ML350	Nguyễn Thị	Thủy	27/08/1993	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	35	12	Không đủ ĐK
430	14	ML432	Chu Thị	Thủy	04/2/1988	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	22	Miễn thi	Không đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
431	7	ML208	Lê Thị	Thủy	27/3/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	22	10	Không đủ ĐK
432	2	ML59	Nguyễn Thị	Thúy	20/12/1989	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	33	7	Không đủ ĐK
433	1	ML15	Nguyễn Thu	Thùy	18/04/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	32	14	Không đủ ĐK
434	1	ML24	Đỗ Thị	Thùy	10/05/1982	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	21	8	Không đủ ĐK
435	9	ML307	Nguyễn Thị	Thúy	02/07/1992	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập B	29	Vắng	Không đủ ĐK
436	8	ML242	Nguyễn Thị	Thùy	19/04/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng B	35	19	Đủ ĐK
437	8	ML248	Bùi Thị	Tinh	26/08/1989	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	35	18	Đủ ĐK
438	2	ML66	Tạ Thị	Tinh	24/6/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	32	9	Không đủ ĐK
439	8	ML259	Nguyễn Thị	Toan	26/01/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	Vắng	Vắng	Không đủ ĐK
440	8	ML238	Nguyễn Huy	Trà	21/6/1991	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	22	10	Không đủ ĐK
441	11	ML351	Nguyễn Thị	Trâm	05/09/1996	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	43	16	Đủ ĐK
442	3	ML97	Lê Thị	Trang	20/3/1985	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	36	17	Đủ ĐK
443	5	ML145	Lê Thu	Trang	22/6/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	34	18	Đủ ĐK
444	5	ML146	Nguyễn Thu	Trang	27/03/1995	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Đại Thịnh B	42	Miễn thi	Đủ ĐK
445	8	ML239	Bùi Vũ Thảo	Trang	22/04/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng A	36	15	Đủ ĐK
446	10	ML338	Tạ Thị Huyền	Trang	27/02/2001	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	33	19	Đủ ĐK
447	11	ML359	Nguyễn Thu	Trang	29/6/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	41	22	Đủ ĐK
448	12	ML372	Đỗ Thủy	Trang	13/9/1996	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	34	20	Đủ ĐK
449	14	ML444	Nguyễn Thu	Trang	15/2/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	38	Miễn thi	Đủ ĐK
450	15	ML484	Phạm Thu	Trang	07/9/1998	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	37	Miễn thi	Đủ ĐK
451	15	ML500	Phạm Thu	Trang	06/9/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	37	Miễn thi	Đủ ĐK
452	15	ML501	Lê Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	35	Miễn thi	Đủ ĐK
453	1	ML01	Ngô Minh	Trang	21/8/1992	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	16	7	Không đủ ĐK
454	1	ML16	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/04/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	33	10	Không đủ ĐK
455	2	ML67	Kim Thị	Trang	10/9/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	28	15	Không đủ ĐK
456	12	ML385	Tạ Thị Thùy	Trang	10/5/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	22	10	Không đủ ĐK
457	13	ML425	Nguyễn Thu	Trang	03/09/1997	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	40	13	Không đủ ĐK
458	7	ML228	Lê Huyền	Trang	05/11/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	41	13	Không đủ ĐK
459	9	ML286	Bá Thị Huyền	Trang	27/05/1992	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	33	Miễn thi	Đủ ĐK
460	6	ML196	Phùng Linh	Trang	21/07/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	24	14	Không đủ ĐK
461	1	ML02	Nguyễn Việt	Trình	18/12/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	38	17	Đủ ĐK
462	15	ML485	Trần Thị	Trình	27/01/1991	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	27	Miễn thi	Không đủ ĐK
463	9	ML306	Nguyễn Hữu	Trình	15/7/1984	Nam	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập B	29	Vắng	Không đủ ĐK
464	10	ML316	Nguyễn Thị	Tươi	29/8/1991	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	31	8	Không đủ ĐK
465	2	ML60	Nguyễn Thị	Tuyên	14/11/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	25	11	Không đủ ĐK
466	11	ML352	Đỗ Thị Như	Tuyển	17/5/1993	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	33	18	Đủ ĐK
467	14	ML439	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	01/03/1989	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	42	Miễn thi	Đủ ĐK
468	14	ML458	Vũ Thị	Tuyết	20/4/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	28	Miễn thi	Không đủ ĐK
469	4	ML125	Nguyễn Thị	Tuyết	07/07/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	23	9	Không đủ ĐK
470	6	ML197	Nguyễn Thị	Tuyết	18/10/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	33	6	Không đủ ĐK
471	7	ML209	Ngô Thị Thu	Uyên	13/4/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	34	18	Đủ ĐK

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Điểm thi môn KTC	Điểm thi môn ngoại ngữ	Điều kiện thi vòng 2
472	1	ML17	Nguyễn Thị	Uyên	20/10/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	37	8	Không đủ ĐK
473	12	ML400	Nguyễn Bảo	Uyên	30/5/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	30	12	Không đủ ĐK
474	8	ML260	Nguyễn Thị Tố	Uyên	20/8/1980	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	16	7	Không đủ ĐK
475	7	ML210	Vũ Thị Thuỳ	Vân	30/7/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	41	18	Đủ ĐK
476	7	ML229	Nguyễn Thị	Vân	12/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	37	19	Đủ ĐK
477	9	ML287	Nguyễn Thị Kiều	Vân	13/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	30	24	Đủ ĐK
478	9	ML288	Đặng Thị	Vân	01/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	38	18	Đủ ĐK
479	12	ML401	Mai Thị	Vân	01/5/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	30	16	Đủ ĐK
480	1	ML03	Nguyễn Thị Thanh	Vân	28/5/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	28	8	Không đủ ĐK
481	3	ML98	Nguyễn Thị	Vân	01/9/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	23	8	Không đủ ĐK
482	4	ML111	Lê Thị Hồng	Vân	15/12/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	32	3	Không đủ ĐK
483	5	ML147	Lê Thảo	Vân	17/7/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	30	4	Không đủ ĐK
484	5	ML165	Trần Thị	Vân	09/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	29	Miễn thi	Không đủ ĐK
485	12	ML373	Trương Thị	Vi	13/5/1999	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	29	Vắng	Không đủ ĐK
486	5	ML148	Hà Thị	Việt	17/12/1991	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	40	8	Không đủ ĐK
487	3	ML99	Phạm Thị	Vui	24/10/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	24	9	Không đủ ĐK
488	14	ML450	Nguyễn Thị	Vui	09/01/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	29	Miễn thi	Không đủ ĐK
489	6	ML186	Đinh Thị	Vượng	20/6/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	34	11	Không đủ ĐK
490	14	ML440	Nguyễn Thị	Xuân	02/3/1982	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	37	Miễn thi	Đủ ĐK
491	14	ML445	Nguyễn Thị	Xuân	02/11/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	47	Miễn thi	Đủ ĐK
492	4	ML105	Ngô Thị Thanh	Xuân	19/01/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	33	13	Không đủ ĐK
493	2	ML61	Nguyễn Thị	Xuất	20/9/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	35	17	Đủ ĐK
494	8	ML243	Nguyễn Thị	Xuyến	02/04/1984	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiến Thắng B	35	17	Đủ ĐK
495	9	ML298	Trần Thị	Yến	30/10/1997	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Tiến Thịnh	34	17	Đủ ĐK
496	13	ML426	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/03/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	34	19	Đủ ĐK
497	14	ML464	Lê Hải	Yến	06/12/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	52	Miễn thi	Đủ ĐK
498	15	ML491	Lê Hải	Yến	20/11/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	37	Miễn thi	Đủ ĐK
499	1	ML04	Hoàng Hải	Yến	06/12/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	35	10	Không đủ ĐK
500	6	ML176	Đỗ Hải	Yến	22/3/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	28	15	Không đủ ĐK
501	7	ML211	Lê Thị Hải	Yến	30/4/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	37	12	Không đủ ĐK